

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày 14 tháng 02 năm 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Quang Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Anh Dũng

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

**\* Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Giáp Văn B, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lục Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 32, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh B. Nơi công tác: Trường Trung học cơ sở N. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Giáp Văn B trình bày:**

Ông và chị Lục Thị L có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 27/4/2020

ông có cho chị Lục Thị L vay số tiền là 130.000.000 đồng, mục đích vay chị L nói để làm kinh tế gia đình. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là chị L tự nguyện trả, nếu chị L làm ăn được sẽ trả lãi nhiều, không làm ăn được thì sẽ trả lãi ít, mức trả lãi không cố định. Tại nhà ông, chị L đã viết giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 với nội dung vay tiền như trên và ký tên tại phần người vay. Sau khi chị L viết giấy vay tiền, ông đã đưa cho chị L đủ 130.000.000 đồng tiền mặt. Khi viết giấy vay và giao nhận tiền thì chỉ có ông và chị L, không có ai khác chứng kiến.

Sau khi vay số tiền trên, chị L có trả ông nhiều lần tiền gốc, tổng số tiền gốc đã trả là 60.000.000 đồng, không trả tiền lãi lần nào. Lần cuối chị L trả tiền gốc là vào ngày 12/7/2024 trả 2.000.000 đồng. Sau khi ông làm đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý vào ngày 14/10/2024, đến ngày 12/11/2024 chị L chuyển khoản trả cho ông 3.000.000 đồng vào tiền nợ gốc. Nay ông yêu cầu cá nhân chị Lục Thị L trả số tiền nợ gốc 67.000.000 đồng; ông không yêu cầu chị L trả tiền lãi.

Số tiền ông cho chị L vay là tài sản của cá nhân ông, không liên quan gì đến vợ, con ông. Ông cũng cho cá nhân chị L vay, không liên quan gì đến chồng, con chị L.

Tại phiên tòa, ông B có mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

*\* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Lục Thị L trình bày:*

Chị và ông Giáp Văn B có quan hệ quen biết với nhau. Khi có việc chị có vay tiền ông B vài lần và đã trả. Ngày 27/4/2020 chị có hỏi vay ông B 100.000.000 đồng, nhưng ông B nói với chị phải viết giấy vay 130.000.000 đồng. Chị đồng ý và viết giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 với nội dung vay của ông B số tiền 130.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình, thời gian vay 01 tháng, lãi suất do chị tự nguyện trả. Thực tế chị chỉ được nhận số tiền 100.000.000 đồng tiền mặt. Số tiền này là chị vay hộ bạn và chị phải trả tiền lãi là 30.000.000 đồng/tháng. Chị viết giấy vay tiền tại nhà ông B, khi viết giấy và giao nhận tiền thì không có ai chứng kiến.

Sau khi vay tiền, chị đã trả 05 tháng tiền lãi từ tháng 5/2020 đến tháng 9/2020, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng. Đến tháng 10/2020, chị trả ông B 25.000.000 đồng nợ gốc và 30.000.000 đồng nợ lãi, chị có ghi nội dung trả tiền gốc nêu trên vào cuối tờ giấy vay chị viết ngày 27/4/2020. Các lần trả tiền lãi thì chị đưa tiền mặt cho ông B, không viết giấy tờ cũng không có ai chứng kiến. Tháng 11/2020 chị trả ông B

25.000.000 đồng nợ gốc nhưng cũng không viết giấy tờ cũng không có ai chứng kiến. Sau đó chị trả ông B 20.000.000 đồng nợ gốc, chị không nhớ thời gian trả, cũng không viết giấy tờ cũng không có ai chứng kiến. Sau đó chị có chuyển khoản để trả nợ cho ông B nhiều lần, tổng số tiền chuyển khoản khoảng 80.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản ghi cháu L trả nợ chú B, không ghi rõ khoản vay nào. Tuy nhiên thỉnh thoảng chị vẫn trả cho ông B, có tháng trả 1.500.000 đồng, có tháng 2.000.000 đồng, có tháng 3.000.000 đồng, có tháng khó khăn quá không trả. Đến ngày 12/11/2024 chị vẫn trả ông B 3.000.000 đồng. Chị xác định những lần trả cho ông B là chị trả cả tiền gốc và lãi, nhưng chị không tính được cụ thể là bao nhiêu gốc, bao nhiêu lãi.

Nay chị xác định đã trả hết cho ông B khoản vay theo giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020, chị không còn nợ tiền ông B. Vì vậy, chị không đồng ý yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo đơn khởi kiện của ông B. Chị sẽ có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc trả nợ gốc và lãi cho ông B. Nếu không cung cấp được, chị sẽ chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L có mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Văn B, buộc chị Lục Thị L có nghĩa vụ trả ông B số tiền nợ gốc 67.000.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc chị L phải chịu 3.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Giáp Văn B khởi kiện đối chị Lục Thị L có trách nhiệm trả tiền nợ gốc 67.000.000 đồng theo giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn”.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Chị Lục Thị L ký nhận vay nợ tiền của ông Giáp Văn B tại giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 (thời gian vay 01 tháng). Đến hạn ông B đã nhiều lần yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L không trả tiền cho ông B theo như thỏa thuận. Lần cuối chị L trả tiền gốc là vào ngày 12/7/2024 trả 2.000.000 đồng. Sau khi ông làm đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý vào ngày 14/10/2024, đến ngày 12/11/2024 chị L chuyển khoản trả cho ông 3.000.000 đồng vào tiền nợ gốc. Như vậy việc khởi kiện của ông Giáp Văn B đối với giấy biên nhận nợ tiền ghi ngày 27/4/2020 là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 có chữ viết, chữ ký của người vay là chị Lục Thị L; chị L ký nhận tại phần người vay, ông B ký tên tại phần người cho vay.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Lục Thị L viết và ký giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 đối với số tiền 130.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 01 tháng. Đến ngày hạn, chị L không trả tiền cho ông B như đã thỏa thuận.

Chị Lục Thị L đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh, nhưng ngoài lời khai, chị L không cung cấp được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc đã trả tiền cho ông B, ông B cũng không thừa nhận. Vì vậy, chị L phải chịu hậu quả pháp lý và không chấp nhận ý kiến này của chị L khai rằng đã trả tiền nhiều lần cho ông B và đã trả hết số nợ trên.

Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2020 phù hợp với lời khai của ông B là người cho vay, phù hợp với sự thừa nhận của ông B về việc giấy vay tiền trên là do chị L viết và ký tên người vay. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc chị L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 67.000.000 đồng cho ông B là có cơ sở như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Do ông Giáp Văn B không yêu cầu trả lãi nên không đặt ra xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chi Lục Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc chi Lục Thị L có nghĩa vụ trả ông Giáp Văn B số tiền nợ gốc 67.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc chi Lục Thị L phải chịu 3.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Giáp Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Giáp Quang Huy**